

Số: 02/2016/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 -2020;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 11 về việc thông qua các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Xét Công văn số 2544/SKHĐT-NV ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn quy định tại Quyết định này là cơ sở để xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước của các Sở, ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Trách nhiệm của các Sở, ban ngành tỉnh:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cân đối tổng mức vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước và thực hiện phân bổ vốn theo các nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định này.

- Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật số liệu về nguồn thu nội địa hàng năm (không bao gồm các khoản thu tiền sử dụng đất) của các huyện, thị xã, thành phố.

- Sở Nội vụ chịu trách nhiệm cập nhật số liệu về đơn vị hành chính của các huyện, thị xã, thành phố và số đơn vị hành chính cấp xã biên giới đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Cục Thống kê tỉnh chịu trách nhiệm cập nhật số liệu về dân số, diện tích tự nhiên, tỷ lệ hộ nghèo của các huyện, thị xã, thành phố và tỷ lệ hộ nghèo của các xã biên giới đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn cập nhật số liệu về diện tích đất trồng lúa của các huyện, thị xã, thành phố đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ cập nhật số liệu về đô thị loại 3, loại 4 của các huyện, thị xã, thành phố đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển kèm theo Quyết định này và khả năng cân đối ngân sách, đặc điểm tình hình của từng địa phương; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển cho các đơn vị trực thuộc, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

3. Thời gian báo cáo và tổng hợp số liệu:

- Các Sở, ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm báo cáo các số liệu nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này và kết quả thực hiện Quyết định này; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 10 tháng 7 hàng năm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020.

Quyết định này thay thế Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2010, Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 và Quyết định số 08/QĐ-UBND-HC ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- VP Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NC/KTN (mqv).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dương

CÁC NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân tỉnh Đồng Tháp)

1. Các ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư phát triển:

Vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước được bố trí để chuẩn bị thực hiện đầu tư và thực hiện đầu tư của các ngành, lĩnh vực giai đoạn 2016 - 2020 sau đây:

1.1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: các dự án thủy lợi, hạ tầng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và phát triển rừng bền vững; phát triển thủy sản; phát triển giống cây trồng, vật nuôi; các dự án phòng, tránh thiên tai, bão lụt, hạn hán.

1.2. Công nghiệp: Hỗ trợ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu; mạng lưới điện nông thôn.

1.3. Thương mại: Đầu tư các dự án chợ dân sinh, chợ đầu mối, trung tâm logistic, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

1.4. Giao thông: Đầu tư xây dựng và nâng cấp các công trình, dự án giao thông đường bộ, đường thủy.

1.5. Cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải: Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình, dự án cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải.

1.6. Kho tàng: Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình thuộc hệ thống kho tàng, kho chuyên dụng, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng.

1.7. Văn hóa: các dự án đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo di sản văn hóa thế giới, các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; di tích cấp tỉnh, bảo tồn văn hóa truyền thống, các dự án văn hóa.

1.8. Thể thao: Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình, dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng thể dục, thể thao.

1.9. Du lịch: Đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch.

1.10. Khoa học, công nghệ: Đầu tư các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ; các phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm; các trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định; các phòng thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; các trung tâm ứng

dụng và chuyển giao công nghệ, các chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng; các trạm, trại thực nghiệm; khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

1.11. Công nghệ thông tin: Đầu tư các dự án đầu tư hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin; bảo mật và an toàn thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước; hạ tầng công nghệ thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp; hạ tầng thương mại điện tử, giao dịch điện tử.

1.12. Thông tin: Đầu tư xây dựng và cải tạo các dự án phục vụ hoạt động xuất bản, thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình và phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội, công ích thiết yếu.

1.13. Truyền thông: Đầu tư các dự án viễn thông phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, đảm bảo an toàn thông tin quốc gia.

1.14. Giáo dục, Đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Đầu tư các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục, đào tạo và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cấp học từ mầm non đến đại học và hạ tầng kỹ thuật các khu đại học cụ thể được phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

1.15. Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm: Đầu tư các dự án bệnh viện, các cơ sở y tế, trung tâm kiểm nghiệm, kiểm định, giám định của cơ quan quản lý chuyên ngành.

1.16. Xã hội: Đầu tư Các dự án nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe cán bộ, công chức; cai nghiện và các dự án trợ giúp xã hội khác; các dự án cải tạo, nâng cấp các dự án ghi công liệt sỹ.

1.17. Tài nguyên và môi trường: Đầu tư các dự án đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất và khoáng sản, nguồn nước; quan trắc cảnh báo môi trường; bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

1.18. Quản lý nhà nước: Đầu tư xây dựng và cải tạo trụ sở nơi làm việc của các cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban ban nhân dân, tổ chức Đoàn thể, Hiệp hội các cấp.

1.19. Quốc phòng, an ninh: Đầu tư các dự án phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cụ thể được phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

2. Các nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020:

2.1. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư phát triển do cấp tỉnh quản lý:

- Nguyên tắc: thực hiện quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối tượng:

+ Các cơ quan Đảng cấp Tỉnh (do Tỉnh ủy quản lý).

+ Các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, ban ngành tỉnh (do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập).

2.2. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư phát triển do cấp huyện quản lý:

- Nguyên tắc:

+ Thực hiện quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển được xây dựng trong năm 2016; nhằm xác định tỷ lệ điều tiết và bổ sung cân đối của ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện trong giai đoạn 2016 - 2020.

+ Bảo đảm tương quan hợp lý giữa mục tiêu phát triển các trung tâm chính trị, kinh tế của tỉnh, các vùng kinh tế trọng điểm, các địa phương có số thu lớn, có điều tiết cao về ngân sách tỉnh; với việc ưu tiên hỗ trợ các địa phương có diện tích trồng lúa lớn, xã biên giới, xã vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh.

+ Bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách Nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

+ Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

+ Mức vốn đầu tư phát triển trong cân đối (không bao gồm đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất) trong thời kỳ ổn định 2016 - 2020 của cấp huyện: năm 2017 tăng tối thiểu 10% so với kế hoạch năm 2016, kế hoạch năm 2018 tăng 8% so với kế hoạch năm 2017, kế hoạch năm 2019 - 2020 tăng 8% so với kế hoạch năm 2018.

- Đối tượng:

+ Các cơ quan Nhà nước cấp huyện, ban ngành huyện (do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập).

2.3. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư trong cân đối giai đoạn 2016 – 2020 và cách tính điểm của từng tiêu chí cụ thể:

Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối giai đoạn 2016 -2020 (không bao gồm đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất) cho các huyện, thị xã, thành phố gồm:

a. Tiêu chí dân số:

- Điểm của tiêu chí dân số:

Số dân	Điểm
Đến 140.000 người	10
Trên 140.000 người, cứ tăng 20.000 người được thêm	1

- Dân số của các huyện, thị xã, thành phố để tính toán điểm sẽ được xác định căn cứ vào niên giám thống kê 2014 của Cục Thống kê Đồng Tháp nhân với

tốc độ tăng dân số bình quân của tỉnh. Đối với những huyện, thị xã, thành phố nào có tốc độ tăng dân số cao hơn của tỉnh sẽ chỉ được tính điểm bằng mức tăng chung.

b. Tiêu chí về trình độ phát triển:

Bao gồm 3 thành phần: tỷ lệ hộ nghèo, thu nội địa (không bao gồm khoản thu tiền sử dụng đất) và tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh.

- Điểm tính theo tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới quốc gia	Điểm
5% hộ nghèo	3

Tỷ lệ hộ nghèo được xác định căn cứ số liệu công bố của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2014.

Tỷ lệ hộ nghèo bình quân năm 2014 của Tỉnh: 5,54%.

- Điểm tính theo số thu nội địa:

Thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất)	Điểm
Đến 20 tỷ đồng	5
Từ 20 tỷ đồng trở lên, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	3

Số thu nội địa (không bao gồm các khoản thu tiền sử dụng đất) được xác định vào dự toán thu ngân sách năm 2015 (do Sở Tài chính cung cấp).

Thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất): tính số thu thấp nhất của 12 huyện, thị xã, thành phố.

- Điểm tính theo tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh:

Tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh	Điểm
Đến 20%, cứ 5% điều tiết về ngân sách tỉnh được tính thêm	2
Từ 20% đến 50%, cứ tăng 5% điều tiết về ngân sách tỉnh được tính thêm	3
Trên 50%, cứ tăng 5% điều tiết về ngân sách tỉnh được tính thêm	5

Việc tính toán điểm căn cứ vào tỷ lệ điều tiết của ngân sách cấp huyện về ngân sách tỉnh trong thời kỳ ổn định 2011 - 2015.

c. Tiêu chí diện tích:

- Diện tích đất tự nhiên:

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 280 Km ²	6
Từ 280 Km ² trở lên, cứ 20 Km ² tăng thêm được thêm	1

Diện tích đất tự nhiên để xác định điểm lấy theo niên giám thống kê năm 2014 của Cục Thống kê Đồng Tháp.

- Tỷ lệ đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên:

Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích tự nhiên	Điểm
Các địa phương có tỷ lệ diện tích đất trồng lúa đến 20% không được tính điểm	
Có tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên 20% trở lên được tính điểm theo thang điểm sau:	
- Đến 30%, cứ 1% diện tích được tính	0,2
- Trên 30% đến 50%, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính	0,6
- Trên 50% trở lên, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính	1,2

Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích tự nhiên (chọn tỷ lệ thấp nhất của 12 huyện, TX, TP).

d. Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

- Điểm tính theo đơn vị hành chính cấp xã:

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Từ 12 xã trở xuống	3
Từ 12 xã trở lên, cứ mỗi xã tăng thêm	0,1

Số đơn vị hành chính cấp xã để tính toán điểm căn cứ vào số liệu công bố của Sở Nội vụ và Cục Thống kê Đồng Tháp về số đơn vị hành chính cấp xã đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

- Điểm tính theo đơn vị hành chính cấp xã biên giới:

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
1 xã	3

Số đơn vị cấp xã biên giới để tính toán điểm căn cứ Quyết định số 160/2007/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

d. Các tiêu chí bổ sung:

Địa phương	Điểm
Vùng đô thị trung tâm: TP.Cao Lãnh, TP.Sa Đéc	5
Vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn: thị xã Hồng Ngự, H.Hồng Ngự, H.Tân Hồng, H.Tam Nông, H.Tháp Mười.	4
Vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn: Huyện Châu Thành, Lai Vung, Lập Vò, Thanh Bình, Cao Lãnh.	3

Phân vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn do Trung ương quy định.

2.4. Xác định mức phân bổ vốn:

a. Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ vốn đầu tư:

- Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ vốn đầu tư (Z) được tính theo công thức:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

Trong đó:

- K: là tổng số vốn trong cân đối ngân sách huyện, thị xã, thành phố (không bao gồm nguồn thu tiền sử dụng đất).

- Y: là tổng số điểm của 12 huyện, thị xã, thành phố sau khi tính điểm theo các tiêu chí phân bổ vốn.

b. Tổng số vốn trong cân đối (không bao gồm nguồn thu tiền sử dụng đất) của từng huyện, thị xã, thành phố (V_i) được tính theo công thức:

$$V_i = Z \times U_i$$

Trong đó:

- Z: số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ vốn đầu tư.

- U_i : tổng số điểm tính toán theo các tiêu chí phân bổ vốn của huyện thứ i ($i=1, \dots, 12$).

2.5. Điều chỉnh bất hợp lý:

Sau khi phân bổ vốn đầu tư trong cân đối theo các tiêu chí và định mức trên, đối với các địa phương có số vốn đầu tư trong cân đối (không bao gồm nguồn thu tiền sử dụng đất) thấp hơn kế hoạch năm 2015 do Ủy ban nhân dân Tỉnh giao sẽ được điều chỉnh **tăng bằng 20%** số vốn đầu tư trong cân đối (không bao gồm nguồn thu tiền sử dụng đất) kế hoạch năm 2015 do Ủy ban nhân dân Tỉnh đã giao.

2.6. Vốn đầu tư trong cân đối của huyện, thị xã, thành phố:

Vốn đầu tư trong cân đối của huyện, thị xã, thành phố năm 2016 (năm đầu thời kỳ ổn định) sẽ là cơ sở để xác định tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh và số bổ sung từ ngân sách tỉnh cho các huyện, thị xã, thành phố; bao gồm số vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức nêu trên và toàn bộ các khoản thu tiền sử dụng đất của huyện, thị xã, thành phố theo dự toán thu năm 2016.

Đầu tư trong cân đối các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định giai đoạn 2016-2020 của huyện, thị xã, thành phố được tính toán căn cứ trên cơ sở số vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức mới trên, tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thị xã, thành phố hoặc số hỗ trợ có mục tiêu trong cân đối từ ngân sách tỉnh trong thời kỳ ổn định và dự toán nguồn thu tiền sử dụng đất hàng năm của huyện, thị xã, thành phố.

3. Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu:

Các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án được ngân sách Trung ương hỗ trợ giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Việc phân bổ vốn cho các chương trình, dự án thực hiện theo nguyên tắc các công trình, dự án phải nằm trong quy hoạch đã được duyệt; có đầy đủ các thủ

tục đầu tư theo các quy định của Luật Xây dựng và Luật Đầu tư công. Ủy ban nhân dân Tỉnh căn cứ tiêu chí, định mức phân bổ của ngân sách Trung ương và mức vốn hỗ trợ để bố trí vốn cụ thể cho từng chương trình, dự án nhằm đảm bảo sử dụng đúng mục tiêu và định hướng phân bổ của Trung ương.

Đối với các chương trình, dự án do huyện, thị xã, thành phố làm chủ dự án theo phân cấp thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện; Ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng hình thức ghi vốn hỗ trợ có mục tiêu cho huyện, thị xã, thành phố để tổ chức quản lý thực hiện dự án như đối với các dự án được phân cấp.

4. Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố:

4.1. Đối với các dự án đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết:

Căn cứ dự toán thu xổ số kiến thiết hàng năm, Ủy ban nhân dân Tỉnh thông qua Hội đồng nhân dân Tỉnh bố trí toàn bộ nguồn thu xổ số kiến thiết cho đầu tư phát triển, trong đó bố trí nguồn thu xổ số kiến thiết để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề và y tế *theo quy định hiện hành*. Sau khi đã bố trí vốn đảm bảo hoàn thành các dự án đầu tư, số thu còn lại (nếu có) bố trí cho các công trình phúc lợi xã hội quan trọng khác thuộc ngành giao thông, văn hóa - xã hội, đối ứng các dự án ODA, nông nghiệp, hạ tầng đô thị, thương mại, du lịch.

* **Nguyên tắc hỗ trợ:** các chương trình, dự án phải được Ủy ban nhân dân Tỉnh thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn và mức vốn hỗ trợ trước khi ra Quyết định đầu tư.

*** Đối tượng hỗ trợ như sau:**

a. Lĩnh vực giáo dục: hỗ trợ đầu tư xây dựng các trường được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt theo các tiêu chí sau:

+ Trường xuống cấp nặng được cấp có thẩm quyền cho phép xây dựng lại, trường thành lập mới.

+ Tách trường các cấp phổ thông (kể cả ngành học mầm non) do vượt quy mô quản lý cho phép.

+ Mở rộng trường đạt chuẩn quốc gia.

b. Lĩnh vực dạy nghề: hỗ trợ đầu tư chương trình trung tâm dạy nghề - giáo dục thường xuyên cấp huyện theo Quyết định số 1255/QĐ-UBND.HC ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

*** Mức vốn hỗ trợ:**

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư các hạng mục chính; ngân sách cấp huyện đối ứng bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có) và hạng mục phụ.

c. Lĩnh vực văn hóa - xã hội : hỗ trợ đầu tư các Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng cấp xã theo chương trình tỉnh phê duyệt.

4.2. Đối với các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách tập trung:

* **Ngành, lĩnh vực:** đảm bảo cân đối cho lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề, Khoa học công nghệ theo quy định hiện hành và tập trung bố trí vốn cho

các lĩnh vực khác như: hạ tầng đô thị, công nghiệp, thương mại, du lịch, nông nghiệp thủy lợi và phát triển nông thôn, cấp nước, đối ứng các dự án ODA, giao thông, văn hóa xã hội, quản lý nhà nước và quốc phòng an ninh.

* **Nguyên tắc hỗ trợ:** các chương trình, dự án phải được Ủy ban nhân dân Tỉnh thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn và mức vốn hỗ trợ trước khi ra Quyết định đầu tư.

* **Đối tượng hỗ trợ như sau:**

+ Hỗ trợ từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và Luật Đầu tư công./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dương